

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 37/2025/DS-ST
Ngày 14-3-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tâm Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Hồng;
bà Nguyễn Thị Ly.

- **Thư ký phiên tòa:** ông Hồ Nhựt Huy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa:**
bà Đoàn Thụy Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1387/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp “hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2025/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng thương mại cổ phần X; trụ sở: số 54A, đường N, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp:

Ông Võ Văn L, sinh năm 1994; địa chỉ: số 129, đường T, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần X (văn bản ủy quyền số 8502/2024/GUQ-TGD12 ngày 10/9/2024);

Ông Phạm Thanh Ph, sinh năm 1981; địa chỉ: số 471, tổ 10, khóm X, phường T, thị xã T, tỉnh An Giang, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần X (văn bản ủy quyền số 8502/2024/GUQ-TGD12 ngày 10/9/2024);

Ông Đào Anh T, sinh năm 1991; địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà TNR, số 180-192, đường N, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần X (văn bản ủy quyền số 8502/2024/GUQ-TGD12 ngày 10/9/2024).

- Bị đơn:

Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1967; nơi cư trú: số 49, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang.

Bà Phạm Thị M, sinh năm 1968; nơi cư trú: số 49, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/10/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần X (sau đây gọi là Ngân hàng X), đại diện theo ủy quyền là Ông Võ Văn L trình bày, Ngân hàng X cho ông Đ, bà M vay số tiền gốc 270.000.000 đồng, lãi suất vay trong hạn: 18%/năm của tháng đầu tiên, được điều chỉnh 03 tháng/lần cộng biên độ 2%/năm, quá hạn 150% của lãi suất trong hạn trên nợ gốc thực tế, thời hạn 60 tháng từ ngày 01/11/2021 theo đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay số 01.11/2021/HĐCV ngày 01/11/2021 (sau đây gọi là hợp đồng số 01.11 ngày 01/11/2021) và đã giải ngân cho ông Đ ngay trong ngày ký hợp đồng. Hằng tháng vào ngày 06 dương lịch, khách hàng phải trả gốc cố định là 4.500.000 đồng cho đến khi dứt nợ gốc. Bên cạnh đó, khách hàng phải trả lãi trong hạn hằng tháng trên dư nợ gốc thực tế.

Thực hiện hợp đồng, ông Đ, bà M có trả lãi, gốc nhưng trả không đầy đủ nên Ngân hàng X phải tính lãi quá hạn của gốc còn nợ phải trả của kỳ (tháng) thanh toán. Kỳ thanh toán ngày 21/4/2023, ông Đ, bà M có trả nợ cho Ngân hàng X số tiền gốc 4.756.718 đồng và lãi 3.015.319 đồng. Đến ngày 22/4/2023, ông Đ, bà M bắt đầu ngưng trả gốc, lãi cho đến nay. Ngân hàng X cộng dồn lại số gốc chưa trả từng kỳ là 94.241.338 đồng, tính lãi quá hạn trên gốc của từng kỳ chưa thanh toán đủ, cộng dồn lãi quá hạn phải thanh toán số tiền 7.701.403 đồng, tính đến ngày 12/12/2024. Đồng thời, tiền lãi trong hạn phải thanh toán là 67.313.450 đồng, tính theo lộ trình trả lãi trong hạn từ ngày vay đến ngày 12/12/2024 theo bảng tính lãi ngày 12/12/2024 đã thể hiện.

Vì vậy, Ngân hàng X yêu cầu: ông Đ, bà M trả tiền vay theo hợp đồng số 01.11 ngày 01/11/2021, cụ thể: gốc: 197.741.338 đồng, lãi trong hạn: 76.783.364 đồng, lãi quá hạn: 10.091.552 đồng tính đến ngày 14/3/2025 và yêu cầu trả lãi trên nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 15/3/2025 đến khi trả xong nợ.

Ý kiến của ông L tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng X: Ngân hàng X giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 195, 196, 197, 198 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, bảo đảm các trình tự, thủ tục và quyền tranh tụng tại phiên tòa.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 217, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; chấp nhận khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần X, buộc Ông Phạm Văn Đ, Bà Phạm Thị M trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần X, tính đến ngày 14/3/2025, vốn gốc: 81.663.000 đồng, lãi trong hạn, quá hạn và tính lãi phát sinh tiếp theo cho đến khi thanh toán xong toàn bộ hợp đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá và nhận định như sau:

[1] Ngân hàng X có đơn khởi kiện đối với ông Đ, bà M về yêu cầu trả tiền vay. Ông Đ, bà M có địa chỉ cư trú xã A, huyện C, tỉnh An Giang. Do đó, quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp “hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Ngân hàng X có đại diện là ông L có mặt, ông Ph, ông T đều vắng mặt; ông Đ, bà M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Ngân hàng X cho rằng, ông Đ, bà M có xác lập với Ngân hàng X về hợp đồng số 01.11 ngày 01/11/2021, số tiền vay gốc 270.000.000 đồng; Ngân hàng X đã giải ngân cho ông Đ, bà M theo hợp đồng cho vay nhưng đến kỳ hạn thanh toán, ông Đ, bà M không thực hiện đúng hợp đồng. Ngân hàng X yêu cầu ông Đ, bà M trả lại tiền vay theo thỏa thuận trong hợp đồng cho vay nêu trên.

[4] Quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi Tòa án thụ lý, hòa giải, xét xử vụ việc tranh chấp, Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Đ, bà M không có văn bản ý kiến, vắng mặt không có lý do xem như bỏ mặc việc tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm theo khởi kiện của Ngân hàng X. Tòa án xem xét, giải quyết vụ việc dựa vào các tình tiết, sự kiện, tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng X đưa ra theo quy định khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Theo tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng X giao nộp, lời khai của đại diện Ngân hàng do Tòa án thu thập thì thấy hợp đồng cho vay được xác lập giữa Ngân hàng X với ông Đ, có sự đồng thuận của bà Mai có nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và hình thức phù hợp quy định của pháp luật nên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng cho vay, ông Đ, bà M không thực hiện đúng thỏa thuận, Ngân hàng X yêu cầu ông Đ, bà M có trách nhiệm liên đới trả lại tiền vay gốc, lãi còn nợ hợp đồng số 01.11 ngày 01/11/2021 và bảng tính lãi khoản nợ vay là có căn cứ.

[6] Theo quy định Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự, Tòa án chấp nhận khởi kiện của Ngân hàng X về yêu cầu trả lại số tiền vay, cụ thể như sau: ông Đ, bà M phải có trách nhiệm liên đới trả lại cho Ngân hàng X số tiền gốc: 197.741.338 đồng, lãi trong hạn: 76.783.364 đồng, lãi quá hạn của gốc 10.091.552 đồng đến ngày 14/3/2025 theo hợp đồng số 01.11 ngày 01/11/2021.

[7] Ngoài khoản nợ gốc, lãi mà ông Đ, bà M phải thanh toán cho Ngân hàng X tính đến ngày xét xử sơ thẩm thì Ngân hàng X có yêu cầu trả lãi quá hạn đối với khoản vay gốc theo hợp đồng cho vay, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi thanh toán xong khoản vay gốc còn nợ là có căn cứ. Theo Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17-10-2016, Tòa án chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng X về việc ông Đ, bà M phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho vay kể từ ngày 15/3/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

[8] Về án phí sơ thẩm: Tòa án chấp nhận khởi kiện của Ngân hàng X về yêu cầu ông Đ, bà M trả tiền vay, lãi theo hợp đồng cho vay nên ông Đ, bà M phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu có giá ngạch quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Án lệ số 08/20216/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17-10-2016.

1. Chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần X đối với bị đơn Ông Phạm Văn Đ, Bà Phạm Thị M về yêu cầu trả tiền vay gốc, tiền lãi hợp đồng cho vay.

Buộc Ông Phạm Văn Đ, Bà Phạm Thị M phải có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần X tổng số tiền vay: 284.616.254 đồng (trong đó gốc: 197.741.338 đồng, lãi trong hạn: 76.783.364 đồng, lãi quá hạn: 10.091.552 đồng đến ngày 14/3/2025).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc, ông Đ, bà M còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng đề nghị vay vốn kèm hợp đồng cho vay số 01.11/2021/HĐCV ngày 01/11/2021.

2. Về án phí sơ thẩm: Ngân hàng thương mại cổ phần X được nhận lại tạm ứng án phí 6.512.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0023673 ngày 14 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Ông Phạm Văn Đ, Bà Phạm Thị M cùng phải chịu án phí 14.230.813 đồng.

3. Ngân hàng thương mại cổ phần X có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày được tính từ ngày tuyên án. Ông Đ, bà M vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới;
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tâm Nhân